

Tứ Đại Oán

(38 câu nhịp tám)

GIẢI THOÁT

Phỏng thơ Kim Vân Kiều : Hữu-Tâm

Lớp Đầu :

- 1.- (+) (+)
 (+) Từ (khi)^{Liu}
 (+) Sư trưởng Giác(Duyên)^{Liu}
 Ý (quyết)^{Xê} từ biệt Thúy (Kiều)^{Xê}
- 2.- Vân (du)^{Liu} quảy (túi)^{Xê}
 Đeo (bầu)^{Xử} (+)^{Xê}
 Tháng (năm)^{Liu} oản pháp phương (trời)^{Xê}
 Gặp (bà)^{Hò} Tam Hợp đạo (cô)^{Liu}
- 3.- Thong(dong)^{Liu} han (hỏi)^{Xê}
 Sự (nàng)^{Xử} (+)^{Xê}
 Cớ (sao)^{Liu} hiếu nghĩa đủ (đàng)^{Xê}
 Lại chịu(nhiều)^{Hò} nổi đoạn tràng thê (lương)^{Liu}
- 4.- Lời đạo (cô)^{Liu} phúc họa tự (trời)^{Xê}
 Nguồn cội lòng (ta)^{Liu} (+)
 Mới (hay)^{Liu} có trời có (ta)^{Liu}
- Tu là cội (phúc)^{Xê} tình giây oan (nghiệt)^{Liu}
- 5.- (+) (+)
 Thúy (Kiều)^{Hò} sắc xảo khôn (ngoan)^{Xê}
 Bối (thế)^{Liu} cho (nên)^{Xê}
 Kiếp hồng(nhan)^{Xê} cam vô duyên bạc (phận)^{Xử}
- 6.- (Lại)^{Xang} vương mang (+)^{Xê}
 Lấy một chữ (tình)^{Hò} (+)
 Tự (mình)^{Xử} khư (khư)^{Xê}
 Mình (buộc)^{Xê} lấy mình vào (trong)^{Xang}

Lớp Xang dài I :

- 7.- Cho (nên)^{Xê} những chốn thanh (nhàn)^{Hò}
 Ở không vững (vàng)^{Hò} ngòi cũng chẳng (an)^{Xang}
 (+) (+)
 (+) **Khiến qui?**(ma)^{Xang}
- 8.- Như đưa(tay)^{Xang} chỉ lối (+)^{Xê}
 Chỗ đoạn trường mà(đi)^{Xang} (+)
 Hết nạn (ấy)^{Xê} đến khổ (này)^{Hò}
- 9.- Thanh y tôi (đôi)^{Hò} thanh lâu chìm (nội)^{Xang}
 Khi (nơi)^{Xê} giáo dựng gươm (trần)^{Hò}
 Lúc (kê)^{Hò} răng hùm miệng (sói)^{Xang}
 Giữa (sông)^{Xê} nước đầy sóng (nhồi)^{Hò}
- 10.- Treo chuông chỉ (màn)^{Hò} ngàn cân sợi (tóc)^{Xang}
 (+) Oan (kia)^{Xê}
 Chữ (tình)^{Xê} ai buộc (lấy)^{Liu}
 Một mình (+)^{Xê} chỉ mình (hay)^{Liu}
 Biết cũng (+)^{Xê} chỉ riêng (mình)^{Hò}
- 11.- (+) (+)
 (+) **Làm (cho)**^{Xê}
 Bao khổ(đau)^{Liu} (+)^{Liu}
- 12.- Trầm luân (+)^{Xê} sống đọa thác (đày)^{Hò}
 Đoạn(trường)^{Xang} sương gió (+)^{Xê}
 Cho hết kiếp (này)^{Hò} (+)^{Hò}
 Giác (Duyên)^{Xê} nghe nói rụng (rời)^{Xư}
 Thương đời tài (nữ)^{Xang} có còn chi (đâu)^{Xang}

- 13.- (+) Đạo (cô)^{Xang}
 Thừa (ràng)^{Xư} bề nghiệp(duyên)^{Xê}
 Kiêu(nương)^{Líu} chữ hiếu (tâm)^{Xê}
 Bán mình chuộc (cha)^{Xê} trời cao cãm (động)^{Líu}
 14.- Cam(tiếng)^{Xang} sát phu (+)^{Xê}
 Cứu được muôn(người)^{Hò} (+)^{Hò}
 Trọng(khinh)^{Xư} cân (nhắc)^{Xê}
 Công đức(này)^{Hò} có mấy ai (hơn)^{Xang}

Lớp Xang dài 2 :

- 15.- Túc (khiên)^{Xê} đã rửa sạch (rồi)^{Hò}
 Nhẹ nhàng nợ (trước)^{Xê} đền bồi duyên (sau)^{Xang}
 (+) (+)
 (+) Nếu (như)^{Xang}
 16.- Bèo (nước)^{Xang} năm xưa (+)^{Xê}
 Còn nhớ đến (nhau)^{Xang} (+)^{Xang}
 Cứ ra (nơi)^{Xê} bến sông Tiên(Đường)^{Hò}
 Xuôi ngược thả (bè)^{Hò} đón người mạng (khỏ)^{Sang}
 17.- Giác(Duyên)^{Xê} vợi nghe (lời)^{Hò}
 Bên giang(hà)^{Hò} chuông khuya mỗ (sớm)^{Sang}
 Một (gian)^{Xê} nước biếc mây (vàng)^{Hò}
 Thêm mướn(người)^{Hò} trên sông bũa (lưởi)^{Xang}
 18.- (+) Ngày (qua)^{Xê}
 Một (lòng)^{Xê} chẳng quảng mấy (công)^{Líu}
 Mênh(mông)^{Líu} trời nước bao (la)^{Líu}
 Gặp (gở)^{Xê} về sau có (ngày)^{Hò}

- 19.- (+) (+)
 (+)
 Giữa sông(to)^{Liu} **Kiều (nuờng)^{Xê}**
 Nhảy(xuống)^{Xê} quyết cho xong (đời)^{Hò}
 20.- Sóng (nhôi)^{Xang} đưa đẩy (+)^{Xê}
 Cuốn trôi theo (giòng)^{Hò} (+)
 Rũi (may)^{Xê} sao (lại)^{Xư}
 Khiến Thúy(Kiều)^{Hò} vương lưới ngư (ông)^{Xang}
 21.- (+) Ngãm (ra)^{Xang}
 Máy (lời)^{Xư} Tam Hợp đạo (cô)^{Xê}
 Tiên (tri)^{Liu} đoán số Thúy(nuờng)^{Xê}
 Nước rửa tuyết (sương)^{Xê} ngày nay đã (thật)^{Liu}
 22.- Qua (cơn)^{Xang} nguy hiểm (+)^{Xê}
 Còn đang mơ (màng)^{Hò} (+)
 Ẩn (hiện)^{Xư} bóng Đạm (Tiên)^{Xê}
 Bên(thuyền)^{Hò} nhắc lời hện (xưa)^{Xang}

Lớp Xang vẫn :

- 23.- Rằng (tôi)^{Xê} đã có lòng (chờ)^{Hò}
 Bỏ công mười (mấy)^{Xê} năm dài nơi (đây)^{Xang}
 (+) (+)
 (+) Từ (nay)^{Xang}
 24.- Thanh(thản)^{Xang} phước duyên (+)^{Xê}
 Được chữ bình (yên)^{Xang} (+)
 Vậ (thơ)^{Xê} đối họa năm (nào)^{Hò}
 Bậy (giờ)^{Hò} cũng xin trao (trả)^{Xang}
 25.- Tương (lai)^{Xê} hưởng thụ còn (nhiều)^{Hò}
 Phú quý đủ (điều)^{Xê} lại còn duyên (xưa)^{Liu}
 Sóng (đẩy)^{Xư} gió đưa (+)^{Xê}
 Tan dần (+)^{Xư} bóng hình Đạm (Tiên)^{Xê}
 26.- Cơn (ngây)^{Liu} nghe (gọi)^{Liu}
 Trạc Tuyên bên (tai)^{Xê} (+)

Kiều (nhi)^{Liu} mở mắt nhìn (quanh)^{Oan}
 Ngờ ngần phút (giây)^{Liu} khôi phục tinh (thần)^{Xê}

Lớp Xang vần 2 :

27.- (+) (+)
 (+) Cớ (sao)^{Xê}
 Chỉ (thấy)^{Liu} (+)^{Liu}
 Giác Duyên (+)^{Xê} ngòi kê một (bên)^{Xang}
 28.- Năm (tay)^{Xang} mừng rở (+)^{Xê}
 Lời lẽ khó (nên)^{Xang} (+)
 Hồi (lâu)^{Xê} sư trưởng tiếng (mời)^{Hò}
 Về thảo (lư)^{Xê} côm rau dưa (muối)^{Xang}
 29.- Từ (dây)^{Xê} mỗ sớm chuông(chiều)^{Hò}
 Sạch nợ(trần)^{Xê} vui thời kệ (kinh)^{Liu}
 Mênh(mông)^{Xư} bát ngát (+)^{Xê}
 Bốn bề (+)^{Xư} mây trời trước (sau)^{Xê}
 30.- Nạn (xửa)^{Liu} trút (sạch)^{Liu}
 Như tấm gương (lau)^{Xê} (+)
 Còn (duyên)^{Liu} trúc (mai)^{Oan}
 Nào (ai)^{Liu} biết đâu chôn (này)^{Xê}

Lớp Hồi Thủ

31.- (+) (+)
 (+) Nhìn (ra)^{Liu}
 (+) Bát ngát bao (la)^{Liu}
 Trời xanh mây (trắng)^{Xê} in nước sông (Tiên)^{Xê}

- 32.- Thảo (lư)^{Liu} cùng sư(trưởng)^{Xê}
 Giác Duyên tu (hành)^{Xừ} (+)^{Xê}
 Kiêu(nương)^{Liu} cũng an(thân)^{Xê}
 Sớm (khuya)^{Xê} lời kinh tiếng (kệ)^{Liu}
- 33.- (+) Trái (thân)^{Xang}
 Đoạn(trường)^{Xừ} nổi (trôi)^{Xê}
 Chữ (hiếu)^{Liu} trả (xong)^{Xê}
 Chỉ (riêng)^{Xê} chút tình Kim (Trọng)^{Liu}
- 34.- (Dấu)^{Xang} đã (+)^{Xê}
 Chấp mệnh thay (đào)^{Hò} (+)^{Hò}
 (Nhưng)^{Xừ} kẻ từ (ấy)^{Xê}
 Đến (nay)^{Xê} nào rõ âm (hao)^{Xang}
- 35.- Càng(thương)^{Xê} nhớ dạt (đào)^{Hò}
 Nên (lòng)^{Hò} thêm nhiều xót (đau)^{Xang}
 (+) (+)
 (+) Thúy(nương)^{Xang}
- 36.- Lìa (xa)^{Xang} cố lý (+)^{Xê}
 Thoắt mười mấy (năm)^{Xang} (+)^{Xang}
 Chịu (bao)^{Xê} gian lao khổ (nạn)^{Liu}
 Là (bao)^{Xê} nước mắt canh (tràng)^{Hò}
- 37.- (+) (+)
 (+) Hồng (nhân)^{Liu}
 (+) Rũ (may)^{Liu}
 Thiên (ý)^{Xê} đã định(phần)^{Xang}
- 38.- Duyên(căn)^{Xang} nghiệp số (+)^{Xê}
 Phúc may hậu (vận)^{Xừ} (+)^{Xang}
 Vì (hiếu)^{Liu} động lòng(trời)^{Xê}
 Tai nạn được (vời)^{Liu} (+)^{Liu}